

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 17-01-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông;

2. Ông Trương Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Tường – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 và số 220/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng CSXH;**

Địa chỉ: Phường H, quận M, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc Ngân hàng CSXH;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G, tỉnh Bến Tre (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre;

2. *Bị đơn:* - Ông **Nguyễn Văn R**, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

- Bà **Đặng Thị Kim T1**, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

- Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã LM, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng CSXH là ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Ngày 23/12/2020, hộ gia đình ông Nguyễn Văn R gồm ông R, bà Đặng Thị Kim T1 và chị Nguyễn Thị Kim C (trong đó bà T1 và chị C ủy quyền cho ông R) có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G, tỉnh Bến Tre số tiền là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng theo chương trình cho vay đối với Hộ mới thoát nghèo; mục đích vay là để chăn nuôi dê; lãi suất 8,25%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền trả nợ là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/12/2023; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 24.

Tính đến ngày 17/01/2023, ông R, bà T1 và chị C chỉ trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 1.261.446 (một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, còn nợ lại 90.031.673 (chín mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng. Như vậy, trong quá trình vay vốn, ông R, bà T1 và chị C không trả lãi hàng tháng và trả nợ phân kỳ theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng.

Do đó, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông R, bà T1 và chị C có trách nhiệm liên đới trả số nợ tính đến ngày 17/01/2023 là 90.031.673 (chín mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng, nợ lãi là 12.031.673 (mười hai triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng và yêu cầu tính lãi tiếp tục từ ngày 18/01/2023 đến khi ông R, bà T1 và chị C trả hết nợ cho Ngân hàng.

Theo bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:

Hộ gia đình ông gồm ông, bà T1 và chị C (trong đó bà T1 và chị C ủy quyền cho ông) có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G, tỉnh Bến Tre số tiền là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng theo đúng lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Tuy nhiên, khi ông và bà T1 ly hôn, bà T1 cam kết tại Tòa án là bà T1 sẽ trả tất cả nợ, đồng thời sau khi ly hôn, ông đã giao cho bà T1 hưởng hoa lợi trên đất nên hiện tại ông không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, cụ thể là ông, bà T1 và chị C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 02/11/2022 là 88.692.000 (tám mươi tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng, nợ lãi là 10.692.000 (mười triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn) đồng và đồng ý trả nợ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên hiện ông không có khả năng trả số nợ này.

Theo bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn bà Đặng Thị Kim T1 trình bày:

Bà có ủy quyền cho ông R vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G, tỉnh Bến Tre số tiền là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng theo đúng lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng. Tuy nhiên, ông R là người đứng vay tiền; khi ly hôn, bà và ông R đã thỏa thuận nợ của ai người đó trả, bà đã phải một mình trả số nợ chung khoảng 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Do đó, nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, theo bà thì ông R mới là người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn chị C đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Các bị đơn ông R và bà T1 không tuân thủ đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Bị đơn chị C không tuân thủ đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Hộ gia đình ông R gồm ông R, bà T1 và chị C (trong đó bà T1 và chị C ủy quyền hợp lệ cho ông R) vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G, tỉnh Bến Tre số tiền 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng theo chương trình cho vay đối với Hộ mới thoát nghèo; mục đích vay là để chăn nuôi dê; lãi suất 8,25%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền trả nợ là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/12/2023; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 24. Trong quá trình vay vốn, ông R, bà T1 và chị C không trả lãi hàng tháng và trả nợ phân kỳ theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông R, bà T1 và chị C có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông R, bà T1 và chị C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 17/01/2023 là 90.031.673 (chín mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng, nợ lãi là 12.031.673 (mười hai triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng và nợ lãi phát sinh từ ngày 18/01/2023 đến khi giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng CSXH khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc ông Nguyễn Văn R, bà Đặng Thị Kim T1 và chị Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng; ông R và bà T1 đang cư trú tại xã LM, huyện G, tỉnh Bến Tre; theo Giấy ủy quyền ngày 14/12/2020 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/12/2020 (được Ngân hàng phê duyệt ngày 23/12/2020) thì chị C cư trú tại xã LM, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Các bị đơn ông R, bà T1 và chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông R, bà T1 và chị C.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH:

Ngày 10/12/2020, ông R lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G, tỉnh Bến Tre, theo đó ông đề nghị vay số tiền 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng để chăn nuôi dê, thời hạn xin vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 24/12/2023. Ngày 14/12/2020, bà T1 và chị C lập Giấy ủy quyền để ủy quyền cho ông R đại diện cho bà và chị đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng CSXH theo quy định. Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn và Giấy ủy quyền trên, ngày 23/12/2020, Ngân hàng phê duyệt cho ông R, bà T1 và chị C vay số tiền 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng theo chương trình cho vay đối với Hộ mới thoát nghèo; mục đích vay là để chăn nuôi dê; lãi suất 8,25%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay; kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, số tiền trả nợ là 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là 24/12/2023; lãi

tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 24; bên vay cam kết trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn, nếu sai trái thì sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng CSXH là ông P, các bị đơn ông R và bà T1 đều thừa nhận việc thỏa thuận vay tiền trên và việc thỏa thuận vay tiền này được lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn, ông R, bà T1 và chị C đã vi phạm hợp đồng là đã không trả lãi hàng tháng và trả nợ phân kỳ theo thỏa thuận, cụ thể là tính đến ngày 17/01/2023, ông R, bà T1 và chị C chỉ trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 1.261.446 (một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, còn nợ lại 90.031.673 (chín mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng. Như vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông R, bà T1 và chị C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 17/01/2023 là 90.031.673 (chín mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng, nợ lãi là 12.031.673 (mười hai triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng và yêu cầu trả lãi tiếp tục từ ngày 18/01/2023 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng là có cơ sở. Ông R thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nên được ghi nhận.

Bà T1 cho rằng ông R là người đứng vay tiền; khi ly hôn, bà và ông R đã thỏa thuận nợ của ai người đó trả, bà đã phải một mình trả số nợ chung khoảng 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng nên không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2021 và theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thì về nợ chung chỉ ghi nhận các đương sự không tranh chấp và người có yêu cầu không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét, không ghi nhận việc ông R có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, cùng với những nhận định trên thì lời trình bày của bà T1 không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với chị C, Tòa án đã nhiều lần mời chị C đến Tòa án nhưng chị C đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đồng thời, cùng với những nhận định trên đã có đủ cơ sở buộc chị C có trách nhiệm liên đới cùng với ông R và bà T1 trả nợ cho Ngân hàng.

Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.501.500 (bốn triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm) đồng do các bị đơn ông R, bà T1 và chị C liên đới nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH:

Buộc ông Nguyễn Văn R, bà Đặng Thị Kim T1 và chị Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng CSXH tổng số nợ tính đến ngày 17/01/2023 là 90.031.673 (chín mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc là 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng, nợ lãi là 12.031.673 (mười hai triệu không trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi ba) đồng.

Ông Nguyễn Văn R, bà Đặng Thị Kim T1 và chị Nguyễn Thị Kim C còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/12/2020 (được Ngân hàng phê duyệt ngày 23/12/2020) giữa Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện G, tỉnh Bến Tre và ông Nguyễn Văn R kể từ ngày 18/01/2023 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng CSXH.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.501.500 (bốn triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm) đồng do ông Nguyễn Văn R, bà Đặng Thị Kim T1 và chị Nguyễn Thị Kim C liên đới nộp.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến